

Bản án số: 137/2026/HS-ST
Ngày: 06 - 8- 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Thắng và ông Hà Văn Quang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 3 - Cao Bằng tham gia phiên tòa:** ông Hoàng Văn Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2026/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn K, tên gọi khác: không, sinh ngày 11 tháng 9 năm 1996, tại xã T, tỉnh Cao Bằng; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng; số CCCD: 004096005701, cấp ngày: 09/02/2023; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông **Hoàng Văn H**, sinh năm 1973 và bà **Triệu Thị N**, sinh năm 1978; vợ: **Mông Thị H1**, sinh năm 1998 và có 01 con, sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/02/2026 tại Phân trại tạm giam T thuộc Trại giam **Công an tỉnh C**; từ ngày 07/3/2026 đến nay tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh C**; có mặt tại phiên tòa.

2. Đàm Văn T, tên gọi khác: không, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1974, tại xã T, tỉnh Cao Bằng; giới tính: nam; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm B, xã T, tỉnh Cao Bằng; số CCCD: 004074004287, cấp ngày 09/8/2021; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; con ông **Đàm Văn T1** và bà **Lã Thị H2** (đều đã chết); vợ: **Bế Thị N1**, sinh năm 1978 và có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 25/10/1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 03 năm tù về Tội cướp tài sản của công dân theo bản án số 47/1994/HS-ST; ngày 28/6/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng) xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng về Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc hành chính theo bản án số 02/2006/HS-ST.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/02/2026 tại Phân trại tạm giam T thuộc Trại giam Công an tỉnh C; từ ngày 07/3/2026 đến nay tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Văn T2, tên gọi khác: không, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2000, tại xã T, tỉnh Cao Bằng; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng; số CCCD: 004200005946, cấp ngày 15/4/2024; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông Hoàng Văn H, sinh năm 1973 và bà Triệu Thị N, sinh năm 1978; vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/02/2026 tại Phân trại tạm giam T thuộc Trại giam Công an tỉnh C; từ ngày 07/3/2026 đến ngày 26/5/2026 tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; từ ngày 27/5/2026 đến nay tạm giam tại Điểm giam giữ số 2-Phân trại tạm giam T thuộc Trại giam Công an tỉnh C; có mặt tại phiên tòa.

4. Ma Công Đ, tên gọi khác: không, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1984, tại xã B, tỉnh Thái Nguyên; nơi thường trú: xóm T, xã B, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở hiện tại: xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng; số CCCD: 01908410013, cấp ngày 15/11/2022; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; con ông Ma Công M, sinh năm 1959 và bà Trương Thị N2, sinh năm 1961; vợ Nguyễn Thị T3, sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2016) và có 01 con, sinh năm 2004;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/02/2026 tại Phân trại tạm giam T thuộc Trại giam Công an tỉnh C; từ ngày 07/3/2026 đến nay tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T2, Đàm Văn T, Hoàng Văn K: Bà Hà Thị H3 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đàm Thị T4, sinh năm 1971; nơi thường trú: xóm B, xã T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Những người làm chứng:

+ **Đàm Văn H4**, sinh năm 1995; nơi thường trú: **xóm P - K, xã Q, tỉnh Cao Bằng**

+ **Đinh Văn T5**, sinh năm 1985; nơi thường trú: **xóm B, xã T, tỉnh Cao Bằng**;

+ **Hoàng Văn Q**, sinh năm 1995; nơi thường trú: **xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng**;

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 26/02/2026, trong khi thực hiện nhiệm vụ tại **xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng**. Tổ công tác **Công an xã T** phối hợp với **Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế T8** phát hiện, bắt quả tang **Hoàng Văn K**, sinh năm 1996; **Hoàng Văn T2**, sinh năm 2000 (là anh em ruột), trú tại **xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng** và **Ma Công Đ**, sinh năm 1984, trú tại **xóm T, xã B, tỉnh Thái Nguyên** đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bên trong phòng ngủ nhà ở của **K** và **T2**. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng, đồ vật, tài sản liên quan gồm:

Thu giữ trên đệm tại vị trí giữa **K**, **T2** và **Đ** đang ngồi: 02 mảnh giấy bạc (01 mảnh bị cháy xém), 01 mảnh giấy sách học sinh có in nhiều ký tự chữ, 01 vỏ bao thuốc lá màu vàng bên ngoài vỏ in chữ “Thăng Long”, 01 chiếc bật lửa màu đỏ. Đây là các đồ vật, dụng cụ các đối tượng dùng để sử dụng ma túy.

Thu giữ của **Hoàng Văn T2**: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO, 01 gói chất bột màu trắng được gói bằng giấy sách học sinh có in nhiều chữ, **T2** khai là **H5** mua với **Đàm Văn T**, sinh năm 1974, trú tại **xóm B, xã T, tỉnh Cao Bằng** để sử dụng.

Thu giữ của **Hoàng Văn K**: 01 túi zip ni lông màu trắng, bên trong có 03 cục chất bột và 01 gói chất bột màu trắng được gói bằng giấy bạc màu vàng; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme và 2.000.000 đồng. **K** khai mua Heroine với một người không quen biết tại khu vực **chợ T9** vào ngày 24/02/2026 với giá 1.500.000 đồng để sử dụng và bán kiếm lời.

Thu giữ của **Ma Công Đ**: 01 gói chất bột màu trắng được gói bằng giấy bạc và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại WinerX, gắn biển kiểm soát 20AB - 030.70, màu đen vàng. **Đ** khai chất bột màu trắng là **H5** mua với **Đàm Văn T** để sử dụng.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, phương tiện đối với Hoàng Văn K và Hoàng Văn T2, thu giữ 01 cân tiểu ly có vỏ bằng da màu đen và 01 quyển sách bìa có dòng chữ đạo đức 5 có nhiều màu sắc, các trang bên trong có nhiều vết xé nhem nhở của K dùng để cân và gói ma túy. Khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, phương tiện đối với Đàm Văn T tại xóm B, xã T, tỉnh Cao Bằng, thu giữ 01 gói chất bột màu trắng được gói bằng giấy bạc; 02 mảnh kim loại; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Masstel; 01 xe mô tô nhãn hiệu Elegant II, biển kiểm soát 11Y1-1812 và 2.700.000 đồng. T khai, chất bột màu trắng là H5, T mua của một người đàn ông không quen biết từ khu vực biên giới thuộc xóm B, xã T với giá 4.000.000 đồng để bán kiếm lời, các đồ vật, phương tiện, tài sản còn lại đều liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Ngày 27/02/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng vật chứng, niêm phong lại gửi giám định, kết quả: Số chất bột màu trắng thu giữ của Hoàng Văn K có khối lượng 0,63 gam; số chất bột màu trắng thu giữ của Hoàng Văn T2 có khối lượng 0,32 gam, số chất bột màu trắng thu giữ của Ma Công Đ có khối lượng 0,18 gam; số chất bột màu trắng thu giữ của Đàm Văn T có khối lượng 0,18 gam. Tại các kết luận giám định số 109, 110, 111, 112 ngày 05/3/2026 của Phòng K1, Công an tỉnh C, kết luận: Mẫu chất bột màu trắng bên trong 04 phong bì niêm phong gửi giám định đều là ma túy, loại Heroine.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 15 giờ ngày 26/02/2026, Ma Công Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20AB - 030.70 đến nhà của Hoàng Văn K và Hoàng Văn T2. Tại bàn uống nước trong phòng khách, Đặng rú K và T2 góp tiền mua ma túy và K, T2 đồng ý. Cả 3 người cùng thống nhất mua về sử dụng tại phòng ngủ của K, T2 và phân công ai vào phòng ngủ trước thì chuẩn bị giấy bạc, bật lửa để sử dụng ma túy. Bàn bạc xong, K góp 200.000 đồng, Đặng góp 200.000 đồng, Thiên góp 100.000 đồng, tổng cộng 500.000 đồng. T2 cầm tiền và gọi điện thoại cho T để hỏi mua ma túy và hẹn T mang ma túy đến nhà, T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11Y1 -1812 đến nhà T2 và K. Tại đây, T2 mua với T 02 gói ma túy với giá 1.000.000 đồng (trong đó 01 gói là tiền 03 người góp, 01 gói Thiên mua để tự mình sử dụng), Đ cũng mua với T 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng để tự sử dụng. Mua được ma túy, T2 đi vào phòng ngủ chuẩn bị giấy bạc và bật lửa. Sau đó, K và Đặng đi vào, ba người ngồi quây lại (T2 và Đặng ngồi trên giường, K ngồi trên ghế sát giường). Thiên mở gói ma túy của ba người mua chung, đổ ra giấy bạc, dùng bật lửa đốt để sử dụng bằng hình thức hít. T2 là người sử dụng đầu tiên, sau đó đến lượt Đ, cuối cùng là K. Ba người vừa sử dụng hết số ma túy thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng và các đồ vật, tài liệu có liên quan.

Đối với **Hoàng Văn K**, ngoài hành vi trên, **K** đã nhiều lần mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. Với hình thức liên hệ qua điện thoại, hẹn địa điểm hoặc trực tiếp giao dịch tại khu vực **xóm B, xã T**, **K** đã bán ma túy, loại Heroine cho những người sau:

Bán cho **Hoàng Văn Q**, sinh năm 1995, trú tại **xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng** 02 lần: lần thứ nhất ngày 24/02/2026, bán 01 gói với giá 500.000 đồng; lần thứ hai ngày 25/02/2026, bán 01 gói với giá 300.000 đồng.

Bán cho **Đình Văn T5**, sinh năm 1985, trú tại **xóm B, xã T, tỉnh Cao Bằng** 02 lần: lần thứ nhất ngày 24/02/2026, bán 01 gói với giá 300.000 đồng; lần thứ hai ngày 25/02/2026 bán 01 gói với giá 500.000 đồng.

Đối với **Đàm Văn T**, cùng với hình thức liên hệ qua điện thoại, hẹn địa điểm hoặc trực tiếp giao dịch tại khu vực gần nhà Trường và tại nhà **K** và **T2**. **T** đã bán ma túy cho những người sau:

Bán cho **Hoàng Văn T2** 03 lần tại nhà của **T2**: lần thứ nhất ngày 19/02/2026, bán 01 gói với giá 500.000 đồng; lần thứ hai ngày 22/02/2026, bán 01 gói với giá 500.000 đồng; lần thứ 3 ngày 26/02/2026 bán 02 gói với giá 1.000.000 đồng.

Bán cho **Ma Công Đ** 03 lần tại nhà của **K**, **T2**: lần thứ nhất ngày 19/02/2026 bán 01 gói với giá 300.000 đồng, lần thứ 02 ngày 21/02/2026 bán 01 gói ma túy với giá 400.000 đồng; lần thứ 3 bán ngày 26/02/2026 01 gói với giá 500.000 đồng (**Đ** đã trả 100.000 đồng, còn nợ 400.000 đồng).

Bán cho **Đàm Văn H4**, sinh năm 1995, trú tại **xóm P - K, xã Q, tỉnh Cao Bằng** 01 lần, 01 gói với giá 500.000 đồng vào ngày 26/02/2026 tại khu vực gần nhà của **T**.

Ngoài ra, **T** còn khai nhận được bán ma túy cho một số người khác nhưng không nhớ tên và địa chỉ.

Tại bản Cáo trạng số 57/CT-VKSKV3 ngày 23/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã truy tố Hoàng Văn Kiên về Tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và **T6** tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; **Đàm Văn T** về Tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; **Hoàng Văn T2** và **Ma Công Đ** về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 và Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận nội dung bản Cáo trạng phản ánh đúng hành vi phạm tội của mình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Đàm Thị T4** khai: Bà là chị gái ruột của bị cáo **Đàm Văn T**, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11Y1-1812 thuộc sở

hữu của bà, chiếc xe do chị gái **Đàm Thị H6** tặng cho bà từ năm 2011 (bà **H6** đã chết), không làm giấy tờ mua bán hay tặng cho. Bà cho **Đàm Văn T** sử dụng chiếc xe đi lại hàng ngày chứ không tặng cho **T**. Việc **T** sử dụng chiếc xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội bà không biết, nay bà yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe cho bà.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại Cơ quan điều tra như sau:

Đinh Văn T5 khai: Anh được mua Heroine với **Hoàng Văn K** 02 lần, lần thứ nhất mua 01 gói ma túy vào ngày 24/02/2026 với giá 300.000 đồng; lần thứ hai mua 01 gói ma túy vào ngày 25/02/2026 với giá 500.000 đồng; mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân.

Hoàng Văn Q khai: Anh được mua ma túy, loại heroine với **Hoàng Văn K** 02 lần. Lần thứ nhất mua 01 gói vào ngày 24/02/2026 với giá 500.000 đồng; lần thứ hai mua 01 gói với giá 300.000 đồng vào ngày 25/02/2026; mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân.

Đàm Văn H4 khai: Ngày 26/02/2026 anh gọi điện thoại cho **Đàm Văn T** hỏi mua ma túy, sau đó anh trực tiếp đến nhà Trường mua ma túy với số tiền 500.000 đồng để sử dụng cho bản thân.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, khoản 1 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Hoàng Văn K** từ 07 năm đến 08 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt đối với cả hai tội, đề nghị xử phạt bị cáo **Hoàng Văn K** từ 10 năm đến 11 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Đàm Văn T** từ 07 năm 03 tháng đến 08 năm 03 tháng tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T2** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt đối với cả hai tội, đề nghị xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T2** từ 06 năm 03 tháng đến 07 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; Điều 17; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Ma**

Công Đ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt đối với cả hai tội, đề nghị xử phạt bị cáo **Ma Công Đ** từ 06 năm đến 07 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Số 109/KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Ma Công Đ**, xảy ra ngày 26/02/2026”, 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Số 110/KL-KTHS KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Hoàng Văn K**, hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Số 111/KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Hoàng Văn T2** có hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi, “Số 112/KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Đàm Văn T** - mua bán trái phép chất ma túy”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Giấy gói và vỏ niêm phong ban đầu thu, tạm giữ đối với **Hoàng Văn K** ngày 26/02/2026”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Giấy gói và vỏ gói thu giữ đối với **Hoàng Văn T2** ngày 26/02/2026”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Giấy gói và vỏ gói ban đầu thu giữ đối với **Đàm Văn T** ngày 26/02/2026”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Vật chứng phát hiện, thu giữ khi bắt quả tang đối với **Hoàng Văn K**, **Hoàng Văn T2**, **Ma Công Đ** ngày 26/02/ 2026”; 01 (một) phong bì thư niêm phong mặt trước ghi: “01 (một) cân tiểu ly và (một) quyển sách tạm giữ khi khám xét đối với **Hoàng Văn K**, ngày 26/02/2026”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “02 (hai) mảnh kim loại thu, tạm giữ đối với **Đàm Văn T** ngày 26/02/2026”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Giấy gói ban đầu thu giữ đối với **Ma Công Đ** ngày 26/02/2026”;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động của **Hoàng Văn K**, 01 (một) điện thoại của **Hoàng Văn T2**, 01 điện thoại di động của **Đàm Văn T**; tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.600.000 đồng thu giữ của **Hoàng Văn K** và số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) thu giữ khi khám người **Đàm Văn Trường** ngày 26/02/2026; trả cho bị cáo **Hoàng Văn K** số tiền 400.000 đồng; truy thu đối với bị cáo **Đàm Văn T** số tiền 1.000.000 đồng do bán ma túy có được.

Trả cho bị cáo **Ma Công Đ** 01 xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, gắn biển kiểm soát 20AB - 030.70; trả cho bà **Đàm Thị T4** 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, gắn biển kiểm soát 11 Y1-1812. Các bị cáo **Hoàng Văn K**, **Hoàng Văn T2** và **Đàm Văn T** được miễn án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo **Ma Công Đ** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo **Hoàng Văn T2**, **Hoàng Văn K**, **Đàm Văn T** - Trợ giúp viên pháp lý **Hà Thị H3** trình bày: Nhất trí với tội danh và điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo **Hoàng Văn K** theo luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đối với bị cáo **Hoàng Văn T2** và **Đàm Văn T**: Bị cáo **T2** gia đình thuộc hộ nghèo, bị cáo **T** là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét cho bị cáo **Hoàng Văn T2** được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là 03 năm tù và bị cáo **Đàm Văn T** được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt là 07 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy. Về án phí, các bị cáo **K**, **T2** gia đình thuộc hộ nghèo, bị cáo **T** là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp với người bào chữa về phần hình phạt đối với bị cáo **Hoàng Văn T2** và **Đàm Văn T**:

Đối với bị cáo **Đàm Văn T**: Bị cáo là nguồn cung cấp ma túy chính, nhiều lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy và phải chịu trách nhiệm đối với khối lượng ma túy của bản thân và khối lượng ma túy đã bán cho **Hoàng Văn T2**, Ma Công Đăng nên tính chất nguy hiểm cao, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn.

Đối với bị cáo **Hoàng Văn T2**: Bị cáo đã trực tiếp tham gia bàn bạc, cầm tiền, liên hệ mua ma túy, chủ động chuẩn bị địa điểm, công cụ và đồ gói ma túy ra giấy để cả nhóm cùng sử dụng. Thể hiện bị cáo là người giữ vai trò tích cực, có tính chất và mức độ nguy hiểm cao so với hành vi mang tính thụ động của bị cáo **Hoàng Văn K** (chỉ góp tiền, cho mượn địa điểm) và bị cáo **Ma Công Đ** (chỉ khởi xướng và góp tiền) nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn trong nhóm các bị cáo về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Do đó, mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Vì vậy, Kiểm sát viên giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo **Hoàng Văn T2** và **Đàm Văn T**.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến trong phần tranh luận. Tại lời nói sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với vật chứng đã thu giữ, phù hợp với lời khai của những người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 26/02/2026, **Ma Công Đ**, **Hoàng Văn K** và **Hoàng Văn T2** cùng thống nhất góp tiền mua ma túy về sử dụng tại phòng ngủ của **K**, **T2** và phân công ai vào phòng ngủ trước thì chuẩn bị giấy bạc, bật lửa để sử dụng ma túy. Bàn bạc xong, **K** góp 200.000 đồng, **Đặng** góp 200.000 đồng, **Thiên** góp 100.000 đồng, tổng cộng 500.000 đồng. **T2** cầm tiền và gọi điện thoại cho **Đàm Văn T** để hỏi mua ma túy và hẹn **T** mang ma túy đến nhà. Sau khi **T** đến, **T2** mua với **T** 02 gói ma túy với giá 1.000.000 đồng (trong đó 01 gói là tiền 03 người góp, 01 gói **Thiên** mua để tự mình sử dụng), **Đ** cũng mua với **T** 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng để tự sử dụng. Mua được ma túy, **T2** đi vào phòng ngủ chuẩn bị giấy bạc và bật lửa. Sau đó, **K** và **Đặng** đi vào, ba người ngồi quây lại (**T2** và **Đặng** ngồi trên giường, **K** ngồi trên ghế sát giường). **Thiên** mở gói ma túy của ba người mua chung, đổ ra giấy bạc, dùng bật lửa đốt để sử dụng bằng hình thức hít. **T2** là người sử dụng đầu tiên, sau đó đến lượt **Đ**, cuối cùng là **K**.

Như vậy hành vi của các bị cáo **Hoàng Văn T2**, **Hoàng Văn K** và **Ma Công Đ** đã phạm vào Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với **Hoàng Văn T2** và **Ma Công Đ**, khi bị bắt quả tang lực lượng chức năng đã thu giữ của mỗi bị cáo 01 gói chất bột màu trắng, **T2** và **Đ** đều khai là **H5** mua với **Đàm Văn T** để sử dụng cho bản thân. Sau khi cân, số chất bột màu trắng thu giữ của **Hoàng Văn T2** có khối lượng 0,32 gam và số chất bột màu trắng thu giữ của **Ma Công Đ** có khối lượng 0,18 gam. Tại các kết luận giám định số 109, 111 ngày 05/3/2026 của **Phòng K1**, **Công an tỉnh C**, kết luận: Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định đều là ma túy, loại Heroine.

Do đó các bị cáo **Hoàng Văn T2** và **Ma Công Đ** còn phạm vào Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khi bị bắt quả tang số chất bột màu trắng thu giữ được của **Hoàng Văn K** có khối lượng 0,63 gam, tại kết luận giám định số 110 ngày 05/3/2026 của **Phòng K1, Công an tỉnh C**, kết luận: Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine. **Hoàng Văn K** khai nhận đã nhiều lần mua túy về bán kiếm lời. **K** đã bán ma túy, loại Heroine cho những người sau: Bán cho **Hoàng Văn Q** 02 lần: lần thứ nhất bán 01 gói với giá 500.000 đồng vào ngày 24/02/2026, lần thứ hai bán 01 gói với giá 300.000 đồng vào ngày 25/02/2026; bán ma túy cho **Đinh Văn T5** 02 lần: lần thứ nhất bán 01 gói với giá 300.000 đồng ngày 24/02/2026; lần thứ hai bán 01 gói với giá 500.000 đồng vào ngày 25/02/2026.

Hành vi của bị cáo **Hoàng Văn K** đã bán trái phép ma túy 02 lần trở lên nên còn phạm vào Tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với **Đàm Văn T**, số chất bột màu trắng thu giữ được có khối lượng là 0,18 gam, tại kết luận giám định số 112 ngày 05/3/2026 của **Phòng K1, Công an tỉnh C**, kết luận: Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine. **T** khai nhận đã bán ma túy cho những người sau: Bán ma túy cho **Hoàng Văn T2** 03 lần tại nhà của **T2**: Lần thứ nhất bán 01 gói với giá 500.000 đồng vào ngày 19/02/2026 ; lần thứ hai bán 01 gói với giá 500.000 đồng vào ngày 22/02/2026; lần thứ 3 bán 02 gói với giá 1.000.000 đồng vào ngày 26/02/2026; bán ma túy cho **Ma Công Đ** 03 lần tại nhà của **K**, **T2**: lần thứ nhất bán 01 gói với giá 300.000 đồng vào ngày 19/02/2026, lần thứ 02 bán 01 gói với giá 400.000 đồng vào ngày 21/02/2026; lần thứ 3 bán ngày 26/02/2026, sau khi bán ma túy cho **T2** được khoảng 10 phút bị cáo đã bán cho **Đ** 01 gói với giá 500.000 đồng (Đăng chỉ trả bị cáo 100.000 đồng, còn nợ 400.000 đồng); bán ma túy cho **Đàm Văn H4** 01 lần với giá 500.000 đồng vào ngày 26/02/2026 tại khu vực gần nhà của **T**. Ngoài ra, **T** còn được bán ma túy cho một số người khác nhưng không nhớ tên và địa chỉ.

Như vậy, hành vi của bị cáo **Đàm Văn T** đã bán trái phép ma túy 02 lần trở lên nên phạm vào Tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng và nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền kiểm soát và quản

lý các chất ma túy của Nhà nước, là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo biết tác hại của ma túy và các quy định của pháp luật về phòng chống ma túy nhưng do lối sống buông thả, ý thức chấp hành pháp luật kém nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Chính vì vậy, Nhà nước đã có chế tài nghiêm khắc đối với loại tội phạm này. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm minh trước pháp luật.

Hành vi của các bị cáo **Hoàng Văn K**, **Hoàng Văn T2** và **Ma Công Đăng** mang tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo **Ma Công Đ** là người khởi xướng việc góp tiền mua ma túy; các bị cáo cùng góp tiền mua ma túy; bị cáo **Hoàng Văn T2** là người trực tiếp gọi điện thoại cho **Đàm Văn T** mua ma túy và chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy; bị cáo **T2** và **K** cung cấp địa điểm sử dụng ma túy.

Bị cáo **Hoàng Văn T7** ngoài chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng ma túy của bị cáo là 0,18 gam còn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy đã bán cho bị cáo **Hoàng Văn T2** 0,32 gam và khối lượng ma túy bán cho bị cáo **Ma Công Đ** 0,18 gam; tổng 0,68 gam.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều nghiện ma túy; bị cáo **K**, **T2**, **Đăng** chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo **Đàm Văn T**: Ngày 25/10/1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 03 năm tù về Tội cướp tài sản của công dân; ngày 28/6/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng) xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng về Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc hành chính; bị cáo đã được xóa án tích.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo **Đàm Văn T** là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo **Ma Công Đăng gia Đ1** thờ cúng liệt sĩ nên bị cáo **T** và **Đ** được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, sau khi xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy để ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới thì việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ của **Đàm Văn T** và **Hoàng Văn K**: Bị cáo **Đàm Văn T** khai số ma túy bị thu giữ do **T** mua với một người đàn ông lạ mặt, khoảng 35 tuổi tại **xóm B, xã T, tỉnh Cao Bằng** với số tiền 4.000.000 đồng và bị cáo **Hoàng Văn K** khai số ma túy bị thu giữ mua với một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch tại chợ **xã T, tỉnh Cao Bằng**. Quá trình điều tra, không xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể của những người này nên Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để điều tra mở rộng vụ án. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý trong một vụ án khác là đúng theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với **Đinh Văn T5**, **Hoàng Văn Q** là người mua ma túy với **Hoàng Văn K** và **Đàm Văn H4** là người mua ma túy với **Đàm Văn T**, tại các phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của **Công an xã T** kết luận: **Đinh Văn T5**, **Hoàng Văn Q**, **Đàm Văn H4** dương tính với chất ma túy trong cơ thể nên **Công an xã T** đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với **Đinh Văn T5**, **Hoàng Văn Q**, **Đàm Văn H4** là đúng theo quy định của pháp luật.

[9] Về vật chứng: Vật chứng vụ án kèm theo hồ sơ hiện nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cao Bằng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2026. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

- Vật chứng là ma túy đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Số 109/KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Ma Công Đ**, xảy ra ngày 26/02/2026”, 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Số 110/KL-KTHS KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Hoàng Văn K**, hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Số 111/KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Hoàng Văn T2** có hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi, “Số 112/KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Đàm Văn T**- mua bán trái phép chất ma túy” là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 (một) phong bì thư niêm phong mặt trước ghi: “Giấy gói và vỏ niêm phong ban đầu thu, tạm giữ đối với **Hoàng Văn K** ngày 26/02/2026”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Giấy gói và vỏ gói thu giữ đối với **Hoàng Văn T2** ngày 26/02/2026”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Giấy gói và vỏ gói ban đầu thu giữ đối với **Đàm Văn T** ngày 26/02/2026”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Vật chứng phát hiện, thu giữ khi bắt quả tang đối với **Hoàng Văn K**, **Hoàng Văn T2**, **Ma Công Đ** này 26/02/2026”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “01 (một) cân tiêu ly và (một) quyển sách tạm giữ khi khám xét đối với **Hoàng Văn K**, ngày 26/02/2026”; 01 (một)

phong bì niêm phong mặt trước ghi: “02 (hai) mảnh kim loại thu, tạm giữ đối với **Đàm Văn T** ngày 26/02/2026”; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Giấy gói ban đầu thu giữ đối với **Ma Công Đ** ngày 26/02/2026”; là vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, bàn phím vật lý, màu xanh đựng trong 01 phong bì thư, mặt trước ghi: “01 điện thoại di động của **Đàm Văn T**”; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màn hình cảm ứng, màu xám đựng trong 01 phong bì thư, mặt trước ghi: “01 (một) điện thoại di động của **Hoàng Văn K**”; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Vivo, màu xanh đựng trong 01 phong bì thư, mặt trước ghi: “01 (một) điện thoại của **Hoàng Văn T2**”, là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc trao đổi mua bán ma túy nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của **Hoàng Văn K**, bị cáo khai trong đó có 1.600.000 đồng là tiền bị cáo bán ma túy còn 400.000 đồng là tiền của bị cáo lao động có được nên Hội đồng xét xử tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.600.000 đồng và trả cho bị cáo số tiền 400.000 đồng;

- Số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) thu giữ khi khám người **Đàm Văn T** là tiền bị cáo có được do bán ma túy nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, gắn biển kiểm soát 11 Y1-1812 thu giữ của bị cáo **Đàm Văn T**: Chiếc xe của bà **Đàm Thị T4**, là chị gái của bị cáo **T**, bà **T4** cho bị cáo sử dụng xe đi lại hàng ngày chứ không tặng cho bị cáo. Việc bị cáo sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi bán ma túy bà không biết nên Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe cho bà **Đàm Thị T4**.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, gắn biển kiểm soát 20AB - 030.70 thu giữ của bị cáo **Ma Công Đ** không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo **Đ**.

- Truy thu đối với bị cáo **Đàm Văn T** số tiền 600.000 đồng, là tiền bị cáo đã bán ma túy có được để sung ngân sách Nhà nước;

- Truy thu đối với bị cáo **Ma Công Đ** số tiền 400.000 đồng, là tiền bị cáo mua ma túy với bị cáo **T** nhưng chưa trả tiền.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng về mức hình phạt đối với các bị cáo **Hoàng Văn K**, **Ma Công Đ** và **Đàm Văn T** phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo **Hoàng Văn T2** từ 03 năm 03 tháng tù đến 03 năm 09 tháng tù về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là cao so với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận;

Về đề nghị cho các bị cáo **Hoàng Văn K** và **Hoàng Văn T2** được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo không phù hợp với quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

Đề nghị truy thu số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng đối với bị cáo **Đàm Văn T**: Hội đồng xét xử xét thấy, trong tổng số tiền 1.000.000 đồng có 400.000 đồng bị cáo **Ma Công Đ** mua ma túy còn nợ **T** (tại Tòa bị cáo **T** và **Đ** đều thừa nhận **Đ** còn nợ **T** số tiền mua ma túy 400.000 đồng), do **T** chưa nhận được khoản tiền này nên đây không phải khoản tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy nên việc truy thu tổng số tiền 1.000.000 đồng đối với **Đàm Văn T** không phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa về mức hình phạt đối với các bị cáo **Hoàng Văn K** và **Hoàng Văn T2** phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận; quan điểm về mức hình phạt đối với bị cáo **Đàm Văn T** không phù hợp với quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo **Hoàng Văn K**, **Hoàng Văn T2** thuộc hộ nghèo, bị cáo **Đàm Văn T** là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các bị cáo đều có đơn xin miễn án phí nên được miễn phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo **Ma Công Đ** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Đàm Văn T** phạm Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Bị cáo **Hoàng Văn K** phạm Tội mua bán trái phép chất ma túy và **T6** tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo **Hoàng Văn T2** và **Ma Công Đ** phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và **T6** tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đàm Văn T** 07 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 26/02/2026.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, khoản 1 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Hoàng Văn K** 07 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy và 03 năm tù về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải

chấp hành của cả hai tội là **10 năm tù**, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 26/02/2026.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T2** 03 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và 03 năm tù về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành của cả hai tội là **6 năm tù**, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 26/02/2026.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Ma Công Đ** 03 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và 03 năm tù về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành của cả hai tội là **6 năm tù**, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 26/02/2026.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy các phong bì niêm phong sau:

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Số 109/KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Ma Công Đ**, xảy ra ngày 26/02/2026”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng ba dấu hình dấu tròn đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh C**;

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Số 110/KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Hoàng Văn K**, hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng bốn hình dấu tròn đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh C**;

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Số 111/KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Hoàng Văn T2** có hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng bốn hình dấu tròn đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh C**.

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Số 112/KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Đàm Văn T** -mua bán trái phép chất ma túy”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng năm hình dấu tròn đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh C**”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Giấy gói và vỏ niêm phong ban đầu thu, tạm giữ đối với **Hoàng Văn K** ngày 26/02/2026”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng hai hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Giấy gói và vỏ gói thu giữ đối với **Hoàng Văn T2** ngày 26/02/2026”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng hai hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Giấy gói và vỏ gói ban đầu thu giữ đối với **Đàm Văn T** ngày 26/02/2026”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng hai hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Vật chứng phát hiện, thu giữ khi bắt quả tang đối với **Hoàng Văn K**, **Hoàng Văn T2**, **Ma Công Đ** này 26/02/2026”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng bốn hình dấu tròn đỏ của **UBND xã T**, tỉnh Cao Bằng.

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong mặt trước ghi: “01 (một) cân tiểu ly và 01 (một) quyển sách tạm giữ khi khám xét đối với **Hoàng Văn K**, ngày 26/02/2026”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng bốn hình dấu tròn đỏ của **UBND xã T**, tỉnh Cao Bằng;

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “02 (hai) mảnh kim loại thu, tạm giữ đối với **Đàm Văn T** ngày 26/02/2026”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng bốn hình dấu tròn đỏ của **UBND xã T**, tỉnh Cao Bằng;

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Giấy gói ban đầu thu giữ đối với **Ma Công Đ** ngày 26/02/2026”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng bốn hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “điện thoại di động của **Hoàng Văn K**”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng bốn hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “điện thoại của **Hoàng Văn T2**”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng bốn hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “điện thoại di động của **Đàm Văn T**”, mặt sau có chữ ký các thành phần tham gia và đóng bốn hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

+ Số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) thu giữ của **Hoàng Văn K** ngày 26/02/2026. Cơ quan điều tra **Công an tỉnh C** đã chuyển vào tài khoản: 3949.0.1054207.00000 - Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại **kho bạc nhà nước khu vực V** – Phòng nghiệp vụ 2.

+ Số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) thu giữ của **Đàm Văn T** ngày 26/02/2026. Cơ quan điều tra **Công an tỉnh C** đã chuyển vào tài khoản: 3949.0.1054207.00000 - Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại **kho bạc Nhà nước khu vực V** – Phòng nghiệp vụ 2.

- Trả cho bà **Đàm Thị T4**, thường trú tại: **xóm B, xã T, tỉnh Cao Bằng** 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại ELEGANTH, màu sơn đen bạc, số khung: RLGSC10KHAH052217, loại xe: hai bánh từ 50-175 cm³, gắn biển kiểm soát 11Y1-1812, dung tích xi lanh: 97cm³, số chỗ ngồi: 02, năm sản xuất: 2010. Tình trạng: đã qua sử dụng, đuôi yếm bên phải bị vỡ, ốp thân xe bên phải bị bung ra, thân vỏ xe bị xước xát (kèm theo 01 phiếu trả lời xác minh xe, 01 chìa khóa xe).

- Trả cho bị cáo **Ma Công Đ** 01 xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: WINNERX, màu sơn: đen vàng, số khung: RLHKC4415PY009878, số máy: KC34E5135417, loại xe: hai bánh từ 50 175cm³, gắn biển kiểm soát 20AB - 030.70, dung tích xi lanh: 149,1cm³, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2023. Tình trạng: xe cũ đã qua sử dụng (kèm theo 01 phiếu trả lời xác minh xe, 01 chìa khóa xe).

- Trả cho bị cáo **Hoàng Văn K** số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng);

- Truy thu để sung ngân sách Nhà nước đối với bị cáo **Đàm Văn T** số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng);

- Truy thu để sung ngân sách Nhà nước đối với bị cáo **Ma Công Đ** số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng);

Xác nhận số vật chứng trên đã chuyển sang Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cao Bằng tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/6/2026.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: các bị cáo **Hoàng Văn K**, **Hoàng Văn T2** và **Đàm Văn T** được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Ma Công Đ** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà **Đàm Thị T4** có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- PV06, PC10, PC11 Công an tỉnh;
- VKSND khu vực 3;
- THADS khu vực 3;
- Công an xã Trà Lĩnh;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu: HS, THAHS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mã Thị Diệu